



NHỮNG ĐỘT PHÁ CẦN CÓ VỀ TÍN DỤNG CHO NÔNG NGHIỆP

TS. Nguyễn Minh Phong *

Trên thực tế, đẩy mạnh cho vay tín dụng nông nghiệp đáp ứng yêu cầu thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng trở thành xu hướng và nhiệm vụ chung cho toàn ngành Ngân hàng, cũng như cho mỗi ngân hàng thương mại (NHTM). Tuy nhiên, quá trình này, bên cạnh những kỳ vọng lớn lao, cũng có không ít trở ngại không thể vượt qua.

Để phát triển mạnh và bền vững thị trường tín dụng nông nghiệp rất cần động lực mới, có tính đột phá được cộng hưởng bởi sự nhận thức thấu đáo và các giải pháp thích ứng từ nhiều phía...

I- Chính sách và thực tế tín dụng cho nông nghiệp

Gần 10 năm trở lại đây, nông nghiệp Việt Nam có những bước phát triển đột phá và đồng thời cũng có nhu cầu ngày càng lớn về tín dụng để từng bước chuyển đổi cơ cấu và tổ chức sản xuất kinh doanh theo hướng CNH-HĐH. Đảng và Nhà nước đã có nhiều quan tâm nhằm tháo gỡ khó khăn về vốn cho các lĩnh vực nông nghiệp, tiêu biểu là Nghị quyết 26 của TW về chính sách cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn và Nghị định 41/2010/NĐ-CP về chính sách tín dụng cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn (dưới đây gọi chung là nông

ng nghiệp). Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã ban hành nhiều văn bản để hướng tín dụng vào lĩnh vực nông nghiệp, kể cả quy định “áp sàn” dư nợ tín dụng nông nghiệp phải bảo đảm không thấp hơn 20% tổng dư nợ tín dụng hàng năm của các NHTM. Đặc biệt, từ đầu năm 2013, khi Chính phủ ban hành Nghị quyết số 01 và 02, NHNN đã xác định lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và xuất khẩu là những trụ cột chính trong chính sách tín dụng, nên đã có những điều chỉnh tương đối đột phá. Chẳng hạn, chính sách cho vay giảm tổn thất sau thu hoạch với nông thủy sản; giảm lãi vay xuất khẩu gạo từ 10%/năm xuống 9%/năm (4/7/2013); gia hạn các khoản vay mua tạm trữ thóc gạo vụ đông xuân (24/6/2013); cho phép NHTM kéo dài thời gian cho vay tạm trữ thóc gạo hè thu 2013 đến hết 15/8/2013; chỉ đạo 5 NHTM nhà nước chi phối vốn phải giảm lãi suất tiền vay với nợ cũ, giãn nợ tối đa 24 tháng, cho vay nợ mới lãi suất 9%/năm đối với khách hàng là hộ gia đình, trang trại, hợp tác xã, doanh nghiệp chăn nuôi, giết mổ để cấp đông, chế biến thịt lợn, thịt gia cầm, nuôi cá tra, chế biến cá tra và tôm xuất khẩu...

Nhờ đó, điều kiện và dư nợ tín dụng nông nghiệp được cải thiện khá rõ rệt trong thời gian gần đây. Theo NHNN, từ năm 2008 đến nay, hàng năm tăng trưởng tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp

và nông thôn tăng trung bình khoảng 20%. Năm 2012, tăng trưởng tín dụng chung tính đến ngày 31/12/2012 chỉ đạt khoảng 8,9%, thấp hơn nhiều so các năm trước đó; nhưng tín dụng cho lĩnh vực nông nghiệp vẫn tăng 8%. Riêng 7 tháng đầu năm 2013, tăng trưởng tín dụng toàn ngành đạt 5,15% so với thời điểm 31/12/2012. Trong đó, tỷ trọng tín dụng nông nghiệp chiếm tới 22,91%, nếu cộng cả các chương trình tín dụng chính sách, thì số dư tuyệt đối là 621.584 tỷ đồng, tốc độ tăng đạt 10,69% so với 31/12/2012. Cấu trúc tín dụng về kỳ hạn, loại tiền, ngành và lĩnh vực đang có xu hướng bền vững hơn so với vài năm về trước. Cụ thể, tỷ trọng tín dụng ngắn hạn chiếm 54,44%, trung và dài hạn chiếm 45,56%, trong khi tỷ lệ này từ năm 2011 về trước xấp xỉ 70% và 30% - 35% (tùy thời điểm). Xét về loại tiền, đối với tín dụng ngắn hạn, trong khi tín dụng VND tăng 7,46% thì tín dụng ngoại tệ lại giảm 13,05%; còn với tín dụng trung dài hạn, tín dụng VND tăng 10,27%, tín dụng ngoại tệ giảm 8,72%, trái ngược hoàn toàn với vài năm về trước. Nhìn chung, sau 3 năm thực hiện Nghị định 41, tín dụng cho nông nghiệp tăng 2,1 lần, từ 292.000 tỷ đồng, lên xấp xỉ 622.000 tỷ đồng. Mức tín dụng cho vay không có tài sản đảm bảo cũng được nâng lên gấp 4-5 lần, từ dưới 10 triệu đồng đối với nông dân, 50 triệu đồng/trang trại và 100 đồng/HTX lên tương ứng 50-200-500 triệu đồng. Vốn tín dụng nông nghiệp chiếm trong tổng tín dụng của toàn ngành khoảng

* Phó Vụ trưởng - Phó Ban tuyên truyền lý luận Báo Nhân Dân





Đẩy mạnh cho vay tín dụng nông nghiệp đáp ứng yêu cầu thị trường và hội nhập quốc tế ngày càng trở thành xu hướng và nhiệm vụ chung cho toàn ngành Ngân hàng

18-19%, nếu cộng cả dư nợ của Ngân hàng Chính sách xã hội thì chiếm khoảng 20-22%, tương ứng với mức đóng góp cho GDP cả nước của ngành nông nghiệp.

Theo lãnh đạo Agribank, hiện nay, tổng dư nợ của Ngân hàng này khoảng 560.000 tỷ đồng, trong đó khoảng 70% là dư nợ nông nghiệp. Nợ xấu trong lĩnh vực này luôn dưới 3%. Thời gian tới, Agribank tiếp tục huy động vốn ở tất cả các kênh trong nước và nước ngoài để có nguồn vốn đáp ứng nhu cầu tăng trưởng tín dụng đối với khu vực nông nghiệp ở mức hơn 12%, còn ở những địa bàn còn nhiều tiềm năng tăng khoảng 15%; tỷ trọng cho vay nông nghiệp sẽ đẩy lên hơn 70% tổng dư nợ cho vay. Các đối tượng sẽ được mở rộng cho vay là kinh tế hộ, các đối tượng theo Nghị định 41 của Chính phủ, đặc biệt chú ý các doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, doanh nghiệp vừa và nhỏ, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, các doanh nghiệp

công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp.

Cùng với Agribank, nhiều ngân hàng khác cũng đang nỗ lực khơi thông nguồn tín dụng cho nông nghiệp, như LienVietPostBank (có khoảng 60% cho vay nông nghiệp), như VietinBank, BIDV, Vietcombank, Ngân hàng Mekong... Theo LienVietPostBank, trong bối cảnh kinh tế khó khăn, hàng tồn kho nhiều, nợ xấu tăng cao, thì đối tượng khách hàng nông nghiệp, nông thôn, nông dân là một kênh đầu tư an toàn, ổn định dù lợi nhuận có thể không bằng cho vay một số lĩnh vực khác. Cho vay lĩnh vực này thường là các món vay nhỏ lẻ nên ngân hàng cũng không phải lo nợ xấu. Năm 2013, LienVietPostBank dự kiến tăng gấp hai lần nguồn tín dụng so năm ngoái để dành cho vay nông nghiệp (năm 2012 là khoảng 6.000 tỷ đồng). Đồng thời, Ngân hàng cũng xem xét nới lỏng điều kiện vay vốn đối với đối tượng này nhằm góp phần

xóa bỏ tình trạng cho vay nặng lãi ở nông thôn.

Kết quả trên phản ánh nỗ lực của NHNN và các NHTM trong việc hướng dòng vốn đi vào lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là khu vực nông nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế, chính sách tín dụng cho lĩnh vực này vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nông nghiệp và chưa phát huy hiệu quả như mong đợi; đòi hỏi sự đột phá mới cả về cơ chế, chính sách và hướng dẫn triển khai.

Theo số liệu điều tra tiếp cận nguồn lực hộ nông thôn Việt Nam (VARHS) 2006 - 2012, có 50% số hộ nông dân được khảo sát có vay nợ, 60% trong số đó ghi nhận có vay của ngân hàng. Tuy nhiên, quy mô vay rất thấp, chỉ chiếm 13,6% trong tổng lượng vay.

Về tổng thể, tín dụng cho nông nghiệp vẫn đối diện những khó khăn, như lãi vay còn cao, điều kiện tiếp cận khoản vay ngặt nghèo. Thực tế cho thấy, các tổ chức tín dụng huy động vốn tại địa bàn nông thôn chỉ đạt 60 - 70% nhu cầu nguồn lực dành cho nông nghiệp, nông thôn; còn muốn cho vay thêm phải sử dụng nguồn lực khác. Chính phủ, NHNN đã chỉ đạo quyết liệt để dành nguồn vốn tín dụng cho nông nghiệp, nông thôn. Các ngân hàng thì thanh khoản khá dồi dào, nhưng khó cho vay vì mắc cơ chế, doanh nghiệp và hộ vay bị kẹt tài sản bảo đảm ở ngân hàng do chưa tất toán nợ... tiêu biểu là:

Thứ nhất, theo Quyết định 63, 65 của Chính phủ, nếu nông dân mua máy móc có tỷ lệ nội địa hóa trên 60% thì mới được ngân hàng cấp khoản vay. Tuy nhiên,



do máy móc nội địa chất lượng không đảm bảo, nông dân không muốn vay để mua, nên dư nợ cho vay đối với hạng mục này của toàn hệ thống mới chỉ vài trăm tỷ đồng.

Thứ hai, ở một số NHTM nhà nước chi phối vốn, như Agribank chẳng hạn, nếu chi nhánh có nợ xấu từ 5% trở lên thì không được tăng dư nợ tín dụng và có thể bị lỗ nặng. Thực tế này diễn ra nhiều ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long, khi mà các hộ nuôi cá tra, ba sa, tôm hết sức khó khăn do cung vượt cầu, đầu ra chậm, thiếu nợ nên bị ngân hàng phong tỏa tài sản. Từ đó, nợ xấu ở các chi nhánh ngân hàng tăng và phạm vào quy chế nội bộ do hội sở ban hành.

Thứ ba, thực hiện cho vay theo Nghị định 41/2010/NĐ-CP chưa được đồng bộ giữa các cấp, các ngành, dẫn đến tại một số địa phương vẫn thu lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm đối với các khoản vay có bảo đảm bằng tài sản khi thực hiện cho vay các đối tượng theo Nghị định 41. Việc thực hiện quy định về chứng từ chứng minh mục đích vay vốn gặp khó khăn do ít hộ thực hiện chế độ hóa đơn, chứng từ theo quy định của Bộ Tài chính, hoặc nộp thuế khoán nên không có hoặc không sử dụng hóa đơn theo quy định. Ngoài ra, một số ý kiến khác cho rằng, mặc dù Nghị định 41 có quy định các tổ chức tín dụng được xem xét cho vay vốn không có bảo đảm bằng tài sản đối với các khách hàng là cá nhân, hộ gia đình, hộ sản xuất, kinh doanh ở nông thôn, các hợp tác xã; song, cũng tại Nghị định này lại có thêm quy định: Đối với

các đối tượng này phải nộp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Như vậy có thể hiểu rằng, Nghị định này vẫn chỉ áp dụng đối với những nông dân có ruộng đất hay nói cách khác là các nông dân có tài sản bảo đảm.

Thứ tư, các doanh nghiệp bảo hiểm không mặn mà với lĩnh vực bảo hiểm nông nghiệp vì nhiều yếu tố rủi ro từ điều kiện tự nhiên khách quan (hạn hán thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh) và từ trình độ năng lực quản lý của chính hộ vay, cũng như vì còn chưa đủ các chính sách khuyến khích, hỗ trợ cần thiết cho hoạt động này.

Thứ năm, chi phí hoạt động cao khi cho vay món nhỏ lẻ tín dụng cho nông nghiệp nếu không có số lượng chi nhánh rộng lớn một số các NHTM cũng ngại cho vay nông nghiệp, thường cho vay đoạn giữa và cuối là thu mua và chế biến sản phẩm.

Thứ sáu, doanh nghiệp trong nông nghiệp hoạt động sản xuất theo kiểu mạnh ai nấy làm, thiếu tổ chức liên kết, đồng hành với nông dân; ít doanh nghiệp có đủ năng lực tổ chức toàn bộ quy trình sản xuất từ đầu vào đến đầu ra cho sản phẩm. Nông sản của Việt Nam chủ yếu xuất thô, chỉ phù hợp với thị trường gần; khả năng tiếp cận thị trường và vượt qua những rào cản kỹ thuật ở các thị trường ở xa, tiềm năng lớn còn hạn chế.

Việt Nam đã xây dựng Đề án 80 về liên kết các nhà (nhà nước, nhà khoa học, nhà doanh nghiệp, nhà nông), nhưng chưa có quy hoạch từng nhóm ngành, từng vùng sản xuất cụ thể để phát triển sự liên kết tạo cơ sở cho hoạt động tín dụng sẽ bền vững, thậm

chí không cần thế chấp cho vay.

Thứ bảy, chính sách bảo hiểm nông nghiệp chưa phát triển và thiếu tổ chức thông nhất. Việc thí điểm bảo hiểm trong nông nghiệp đã được Chính phủ giao cho Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai đối với 20 tỉnh, cũng như 7 nhóm sản phẩm nông nghiệp kể cả trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản... với giá trị được bảo hiểm trên 200.000 tỷ đồng, hỗ trợ kịp thời các hộ nghèo, cận nghèo theo Quyết định 35 của Thủ tướng Chính phủ. Tuy nhiên, đây là chính sách rất mới và khó, cả với nông dân, với tổ chức bảo hiểm và với cơ quan quản lý nhà nước, nên không tránh được bất cập, nhất là với bảo hiểm tôm nước lợ, là vấn đề rất nóng hiện nay. Hy vọng hết năm 2013, Chính phủ sẽ kết thúc thời gian bảo hiểm và đến 6/2014 tổ chức tổng kết, đánh giá và từ đó có giải pháp cho thời gian tới.

II- Những đột phá cần thiết để phát triển tín dụng nông nghiệp

Thực tế cho thấy, tiềm năng và vai trò của nông nghiệp là rất to lớn, cả hiện tại và tương lai. Mở rộng quy mô, đa dạng hoá các kênh, sản phẩm dịch vụ tín dụng cho nông nghiệp là điều kiện và là cơ hội mới cho cả nông nghiệp, nông dân, nông thôn, doanh nghiệp và ngân hàng, cũng như cho phát triển kinh tế - xã hội đất nước theo yêu cầu phát triển bền vững.

Để tạo động lực mới cho tín dụng nông nghiệp thời gian tới, cần chú ý những đột phá sau:

Thứ nhất, hoàn thiện cơ sở pháp lý và xây dựng, quản lý ổn



định các quy hoạch kinh doanh vùng nông nghiệp chuyên canh theo mô hình công nghiệp.

Chính phủ đã chỉ đạo giữ ổn định 3,8 triệu ha trồng lúa và phát triển nông nghiệp theo hướng chuyên canh, sử dụng giống và công nghệ cao... Tuy nhiên, cần thể hiện chủ trương này trên thực tế bằng các quy hoạch có chất lượng khoa học và cơ sở pháp lý cao. Đồng thời, rà soát và hoàn thiện các luật chuyên ngành có liên quan (trong đó có Luật Đất đai), nhằm tạo cơ sở pháp lý cần thiết hỗ trợ và thúc đẩy quá trình dồn điền - đổi thửa, chuyển đổi cơ cấu kinh doanh, hình thành những cánh đồng mẫu lớn, giá trị gia tăng cao theo mô hình kinh doanh tiên tiến, có sự kết hợp từ đầu và chặt chẽ giữa "các nhà"..., trong đó có các NHTM. Đây là điều kiện hàng đầu để mở rộng đối tượng cho vay không chỉ sản xuất, mà còn cả đối tượng chế biến, tiêu thụ; phát triển cho vay theo chuỗi cung ứng và liên kết sản xuất - tiêu thụ trọn gói; đồng thời, góp phần thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn, cũng như kinh tế cả nước theo mục tiêu Đề án tổng thể tái cơ cấu nền kinh tế đã được Chính phủ thông qua đầu năm 2013.

Với tinh thần đó, cần chỉ đạo chính quyền địa phương các cấp, các ngành thực hiện công tác quy hoạch phát triển các vùng, tiểu vùng chuyên canh, thâm canh nông nghiệp; tăng cường các cơ chế, chính sách hỗ trợ nông dân về khoa học kỹ thuật, khuyến nông, khuyến lâm, về kinh tế nông thôn, về thông tin

thị trường và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, hàng hóa làm ra; thúc đẩy tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững; lựa chọn những sản phẩm chủ lực có thế mạnh của Việt Nam, có thị trường tiêu thụ và có thể tổ chức theo chuỗi giá trị; cho vay tín dụng cũng phải bám sát với tổ chức lại sản xuất thì mới hiệu quả. Hơn nữa, trong chính sách tín dụng tới đây, ngoài chính sách chung thì phải có những chương trình riêng cho những sản phẩm chủ lực. Ví dụ như, cá tra, lúa gạo, cà phê, với mỗi đối tượng như vậy có cách khác nhau trong quá trình sản xuất cũng như thị trường thì chúng ta phải có chính sách riêng về tín dụng cho phù hợp. Trong thời gian tới, các ngân hàng nên gia tăng vốn đầu tư cho các dự án phát triển kinh doanh có sự cộng tác và điều phối đa ngành trong các hợp tác xã hoặc cụm liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gia tăng. Song song đó, các địa phương cũng có thể nghiên cứu phát triển mô hình hợp tác với các tập đoàn, tổng công ty hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn để cung ứng vốn, các dịch vụ ngân hàng cho nông dân, cho khu vực kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng khép kín, gia tăng đồng bộ chuỗi giá trị trong nông nghiệp từ khâu sản xuất, gieo trồng tới chế biến, tiêu thụ sản phẩm.

Thứ hai, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, phát triển và đa dạng hoá sản phẩm tín dụng và bảo hiểm nông nghiệp.

Trước hết, cần đơn giản hóa thủ tục vay vốn để người dân không phải mất thời gian làm đi làm lại

các thủ tục tín dụng. Nghiên cứu điều chỉnh linh hoạt điều kiện cho vay phù hợp với điều kiện sản xuất nông nghiệp; cải thiện điều kiện tiếp cận vốn, kể cả điều kiện về tài sản thế chấp...

Đặc biệt, cần đa dạng hoá đối tượng và gói dịch vụ tín dụng nông nghiệp theo hướng mở rộng cho vay theo niên vụ cây trồng; cho vay theo hạn mức tín dụng; cho vay tiêu dùng đối với hộ nông dân; chủ động điều chỉnh quy định để cơ chế tín dụng nông nghiệp theo Nghị định 41 lan tỏa đến hộ nông dân ở khu vực giáp ranh ven đô thị, mà hiện không được vay theo quy định của Nghị định này.

NHNN phối hợp Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tư pháp cần nhanh chóng nghiên cứu, đề xuất sửa đổi những bất cập, vướng mắc trong Nghị định 41; có chính sách hỗ trợ về nguồn vốn và lãi suất hợp lý với các tổ chức tín dụng (đặc biệt là đối với Agribank) để giúp hộ nông dân, các thành phần kinh tế hoạt động thuộc lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tiếp cận được nguồn vốn với chi phí hợp lý.

Cần có chương trình vay vốn ưu đãi dành riêng cho ngư dân với thủ tục đơn giản. NHNN và các NHTM, cùng với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Bộ liên quan cần chủ động xây dựng chương trình này và các chính sách tín dụng đặc thù cho ngư dân. Chính phủ cũng có chính sách đóng tàu thí điểm, giao cho Agribank thực hiện thí điểm, nhưng cũng còn vướng mắc, vì dùng tín dụng thương mại cho hoạt động cần tín dụng





chính sách và còn bị lạm dụng trong thực tế...

Các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công thương cần khẩn trương nghiên cứu và phối hợp điều chỉnh lại quy định tháo gỡ vướng mắc về tỷ lệ nội địa máy móc 60% theo các Quyết định 63 và 65...

Các cơ quan chức năng cần nghiên cứu cơ chế bảo lãnh tín dụng cho nông dân, thông qua xác lập cơ chế thực thi đơn giản và rõ ràng, thay vì phải cầm cố hay giao nộp sổ đỏ; đồng thời, nghiên cứu việc Chính phủ hỗ trợ mua bảo hiểm rủi ro trong nông nghiệp cho nông dân; cấp bù lỗ và bảo hiểm lãi suất cho vay đối với tín dụng nông nghiệp cho một số sản phẩm, địa bàn lựa chọn... Có như thế, rủi ro trong hoạt động đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn của các tổ chức tín dụng sẽ giảm, thúc đẩy các tổ chức này mạnh dạn hơn trong việc đầu tư vốn vào nông nghiệp, nông thôn. Cách làm này vừa tạo điều kiện phát triển thị trường bảo hiểm, vừa hỗ trợ thiết thực và đúng mục đích đối với nông dân; và nông dân yên tâm đầu tư sản xuất ổn định và lâu dài.

Bên cạnh đó, nguyện vọng tha thiết của bà con nông dân là không chỉ được bảo hiểm nông nghiệp, mà còn cả bảo hiểm xã hội.

Đa dạng hóa các sản phẩm bảo hiểm mới là trọng tâm trong tái cấu trúc thị trường bảo hiểm thời gian tới. Thành công sẽ đến với doanh nghiệp nào có thể cung cấp được giải pháp thỏa mãn nhu cầu và đảm bảo được quyền lợi chính đáng của khách hàng; đội ngũ đại diện kinh doanh tư vấn

được đúng sản phẩm đó theo nhu cầu, khả năng và mục đích của khách hàng. Các doanh nghiệp bảo hiểm phải sớm khắc phục những tồn tại như: Số lượng sản phẩm bảo hiểm vừa chưa nhiều, vừa chưa đa dạng, nhiều mảng thị trường còn bỏ ngỏ hoặc chưa được quan tâm đúng mức; đồng thời, hoàn thiện chế độ bảo hiểm bắt buộc, nhạy bén thích nghi với những biến động của môi trường pháp lý và kinh doanh, chủ động nghiên cứu đưa ra thị trường nhiều sản phẩm mới phục vụ nhu cầu bảo hiểm ngày càng đa dạng của khách hàng, như bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm bảo lãnh, bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm vi mô phục vụ cho người có thu nhập thấp,...

Để các doanh nghiệp bảo hiểm tập trung cạnh tranh về chất lượng dịch vụ, Bộ Tài chính nên quy định mức phí chuẩn trên cơ sở phân tích số liệu rủi ro lịch sử của những sản phẩm bảo hiểm phổ thông; quy định cụ thể các nguyên tắc quản trị doanh nghiệp bảo hiểm, tiến dần theo lệ quốc tế; trong đó, việc yêu cầu tách bạch các hoạt động cốt lõi cần phải làm sớm, tránh việc một cán bộ kinh doanh vừa tư vấn bán hàng, vừa đánh giá chấp nhận rủi ro, vừa xử lý bồi thường. Bộ Tài chính cũng cần có các quy định, tiêu chuẩn về an toàn tài chính rõ ràng và cao hơn để thị trường, khách hàng có thể tự khám "sức khỏe" các công ty bảo hiểm, sàng lọc các công ty yếu kém; cần nghiên cứu xây dựng và ban hành quy định tiêu chí đánh giá toàn diện rủi ro hoạt động kinh doanh, mức độ an

toàn tài chính và công tác quản trị điều hành của doanh nghiệp bảo hiểm.

Bên cạnh đó, cần ban hành và tổ chức thực hiện các quy định chặt chẽ về vốn pháp định và các mức độ an toàn khả năng thanh toán của doanh nghiệp bảo hiểm; củng cố, phát triển, kiện toàn mô hình tổ chức và hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm, đa dạng hóa sở hữu nhằm hạn chế biểu hiện khép kín, độc quyền trong kinh doanh bảo hiểm. Yêu cầu các tập đoàn, tổng công ty nhà nước, NHTM có vốn nhà nước chi phối tiếp tục thoái vốn tại các doanh nghiệp bảo hiểm, đảm bảo đến năm 2015 vốn của các tổ chức này góp tại doanh nghiệp bảo hiểm không quá 20% vốn điều lệ của doanh nghiệp bảo hiểm; Nâng cao mức độ an toàn tài chính và hiệu quả hoạt động đầu tư, yêu cầu các doanh nghiệp bảo hiểm tăng vốn, bảo đảm phù hợp với phạm vi và mức độ rủi ro; duy trì khả năng thanh toán, hiệu quả đầu tư, an toàn tài sản; Đẩy mạnh hoạt động kinh doanh bảo hiểm, yêu cầu các doanh nghiệp bảo hiểm xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh tập trung vào các phân khúc thị trường thế mạnh, đảm bảo đạt hiệu quả cao; cải thiện và nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc khách hàng; khuyến khích doanh nghiệp phát triển sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu của người tham gia bảo hiểm; Tăng cường quản trị rủi ro doanh nghiệp bảo hiểm theo thông lệ quốc tế: Xây dựng và áp dụng các quy trình quản trị rủi ro, thiết lập hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác quản lý và kinh doanh bảo





hiểm; Công khai và minh bạch hóa thông tin về cơ cấu tổ chức bộ máy, khả năng thanh toán và tình hình tài chính nhằm phục vụ công tác giám sát và đảm bảo lợi ích của khách hàng, nhà đầu tư; Khuyến khích các hoạt động sáp nhập, chuyển nhượng doanh nghiệp bảo hiểm; từng bước hình thành các tập đoàn tài chính đa năng và áp dụng bộ đạo đức nghề nghiệp theo thông lệ quốc tế; tích cực đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và ý thức trách nhiệm của nhân viên làm bảo hiểm.

Thứ ba, hoàn thiện khung pháp lý về xử lý nợ xấu và tranh chấp trong hoạt động tín dụng nông nghiệp.

Nông dân Việt Nam thường thận trọng và có ý thức giữ chữ tín khi vay ngân hàng. Đây là một trong những lý do giải thích vì sao tỷ lệ nợ xấu của nông dân thấp nhất trong các nhóm vay của NHTM thời gian qua.

Để giảm thiểu rủi ro và thành công khi hoạt động ở thị trường nông nghiệp, nông thôn, các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp và cá nhân có trách nhiệm cần tỉ mỉ, sát dân, gần dân, hiểu dân và gắn các hoạt động tín dụng với sản xuất, mua bán tại chỗ, đảm bảo đồng vốn sử dụng đúng mục đích, tạo việc làm, thu nhập cho nông dân. Tuy nhiên, doanh nghiệp và NHTM tham gia kinh doanh và bảo hiểm kinh doanh nông nghiệp còn thiếu kinh nghiệm và hạn chế về tổ chức bộ máy phục vụ, kiểm tra, giám sát, nhất là về mạng lưới chi nhánh cơ sở... Vì vậy, quy trình cho vay cần chặt chẽ, từ tiếp cận thẩm định, quản lý nợ vay của từng khoản vay; cơ

chế minh bạch rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm để giáo dục ý thức của cán bộ ngân hàng, tránh phiền hà cho dân khi vay vốn ngân hàng, từ đó cũng hạn chế được rủi ro.

Nếu rủi ro là khách quan, khi thiên tai, dịch bệnh diện rộng, Chính phủ cần chỉ đạo các địa phương khoanh nợ giãn nợ, cho vay tiếp để tái tạo sản xuất, duy trì khả năng trả nợ và ổn định cuộc sống.

Đồng thời, tích cực triển khai quy định đánh giá lại nợ các doanh nghiệp lớn, phân tích, cơ cấu lại nợ theo lộ trình của ngân hàng đưa ra; giãn hoãn trả nợ, tạm thời chưa thu lãi, xem xét những phương án tốt, vẫn có điều kiện kinh doanh tốt để có thể cho vay mới.

Để giảm bớt rủi ro cho vay tín dụng, NHNN cần phát triển mạnh hệ thống thông tin đăng ký giao dịch bảo đảm toàn quốc, tránh việc nhiều tổ chức tín dụng cho vay cùng 1 hộ vượt quá khả năng trả nợ, gây rủi ro cho hộ đó và cho ngân hàng; đồng thời, tăng kiểm soát việc một số người vay là doanh nghiệp dùng vốn vay không đúng mục đích, như đầu tư bất động sản...

Đặc biệt, cần quan tâm mở rộng cho vay thông qua các cấp hội (Hội Nông dân, Hội Phụ nữ), vì các ngân hàng không thể bao quát hết được địa bàn, cán bộ ngân hàng đến tận nơi thì không đủ sức. Hội các cấp trên địa bàn cần xây dựng kế hoạch thực hiện các công đoạn ủy thác vốn vay và giám sát sử dụng nguồn vốn đảm bảo đúng mục đích, hiệu quả; có cán bộ chuyên trách hoạt động ủy thác; mở sổ sách để quản lý chặt

chẽ, hiệu quả nguồn vốn; bình xét công khai từng đối tượng vay vốn với sự có mặt của các hộ dân, sự tham gia của trưởng xóm và đại diện chi bộ; tổ chức họp vào ngày quy định để xét thành viên được vay vốn, lập hồ sơ vay vốn; đồng thời, tuyên truyền nắm bắt và triển khai các văn bản mới và quy định về các chương trình vay vốn của ngân hàng; chủ động tổ chức các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất, hoặc lồng ghép kiểm tra hoạt động ủy thác tại các cơ sở hội, chi hội/tổ, nhằm phát hiện kịp thời những vấn đề phát sinh, những khó khăn, vướng mắc, các trường hợp vi phạm quy định đã thỏa thuận đồng thời có kế hoạch đôn đốc thu hồi nợ quá hạn, nợ xâm tiêu, chủ động phối hợp với ngân hàng có biện pháp xử lý kịp thời. Hoạt động nhận ủy thác cho vay của các cấp hội góp phần tích cực khẳng định vai trò và vị trí của hội; giúp các cấp hội cơ sở có thêm điều kiện về kinh phí phục vụ cho hoạt động hội, đào tạo, nâng cao kiến thức, năng lực đội ngũ cán bộ hội và góp phần thu hút tập hợp hội viên tham gia sinh hoạt hội.

Bên cạnh đó, cần có chính sách cụ thể về phân loại nợ, trích lập dự phòng, xử lý rủi ro, điều kiện cho lập chi nhánh NHTM phục vụ tam nông đặc thù cho phát triển lĩnh vực nông nghiệp theo Thông tư số 21/2013TT-NHNN quy định về mạng lưới hoạt động của các NHTM để thay thế Quyết định số 13/QĐ-NHNN ngày 29/4/2008...■